

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 24/3/2021

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Kim Phước.

2/ Ông Nguyễn Thanh Rực.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Điều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305/2020/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phù Mộng T, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phù Mộng T trình bày: Vào năm 2002 bà và ông Huỳnh Văn C tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 13/9/2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nhận thấy không còn tình cảm với ông C, nên bà T yêu cầu được ly hôn.

Thời gian chung sống bà T và ông C có hai con chung là: Huỳnh Mộng Như Y, sinh ngày 25/01/2003 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 07/3/2011 hiện đang chung sống với bà Th. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Huỳnh Minh K đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với Huỳnh Mộng Như Y hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Huỳnh Văn C, nhưng ông C không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T, đồng thời ông C cũng không đến tham gia phiên giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Huỳnh Văn C, nhưng ông C vẫn vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phù Mộng T, nhận thấy bà T và ông C tự nguyện chung sống với nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 130, ngày 13/9/2002. Quan hệ hôn nhân của bà T và ông C không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc. Hiện bà T nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông C nên có nguyện vọng ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã động viên bà T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông C, nhưng bà T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông C.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà T và ông C có hai con chung là Huỳnh Mộng Như Ý, sinh ngày 25/01/2003 và Huỳnh Minh K, sinh ngày 07/3/2011, hiện đang chung sống với bà T. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Minh K đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Đối với Huỳnh Mộng Như Ý, hiện đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, hiện cháu K đang chung sống với bà T, để đảm bảo cho môi trường sống của cháu K không bị xáo trộn, để các cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K là muốn được chung sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà T, giao con chung là Huỳnh Minh K cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Hiện bà T có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà T không yêu cầu

ông C cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với Huỳnh Mộng Như Y sinh ngày 25/01/2003 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phù Mộng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phù Mộng Thơ được ly hôn với ông Huỳnh Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Minh K, sinh ngày 07/3/2011 cho bà Phù Mộng T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Ông Huỳnh Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Huỳnh Mộng Như Y sinh ngày 25/01/2003 hiện đã trưởng thành, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Ông Huỳnh Văn C được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Ông Huỳnh Văn C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Minh Khang của bà Phù Mộng T.

- Về tài sản chung: Bà Phù Mộng T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Phù Mộng T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Phù Mộng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007300, ngày 17/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Phù Mộng T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Huỳnh Văn C không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Phú;
- UBND TT Đ, h. LP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh